TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 273/2021/ HNGĐ-ST
Ngày: 01/7/2021
V/v tranh chấp "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thông

Ông Đặng Bích Thuận

Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Kim Thương – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Tánh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/7/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 678/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị L, sinh năm X; Địa chỉ thường trú: N, Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Địa chỉ liên lạc: M, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Hồ Nam H, sinh năm Y; Địa chỉ thường trú: V, Phường B, Quận S, TP. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/12/2020, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Bùi Thị L trình bày:

Bà L và ông Hồ Nam H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyển số 01/2001 do UBND Phường M, quận T, TPHCM cấp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại N, Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh. Năm 2010 ông H tự ý chuyển hộ khẩu về V, Phường B, Quận S, TP. Hồ Chí Minh và thỉnh thoảng ông H về ở tại đây. Đến năm 2012 bà L phát hiện ông H có người thứ 3 từ đó vợ chồng mâu thuẫn, bà L đã khuyên nhủ nhưng ông H không thay đổi vẫn hết người này đến người khác.

Từ năm 2013 vợ chồng ly thân ông H về ở luôn tại V, Phường B, Quận S, TP. Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng chỉ liên lạc với bà L vì con.

Năm 2019, bà L đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng ông H bỏ đi khỏi nơi cư trú, bà L không liên lạc được với ông H, dù đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng cũng không có tin tức gì của ông H. Do vậy, bà L đã thực hiện thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông H để bổ túc hồ sơ xin ly hôn.

Hiện bà L đã thực hiện thủ tục đăng báo, phát thanh thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo Quyết định số 160/2020/QĐ-TA ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận S, từ khi đăng thông báo tìm kiếm cho đến nay bà L vẫn không có tin tức gì của ông H. Nay nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà L xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 03 con chung là Hồ Hải Y, sinh ngày A (đã trưởng thành), Hồ Hải P, sinh ngày: B (đã trưởng thành) và trẻ Hồ Hải T, sinh ngày: C hiện bà L đang nuôi dưỡng, bà L xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là trẻ Hồ Hải T, bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Hồ Nam H vắng mặt tại phiên toà, không có bản tự khai

Theo yêu cầu của bà Bùi Thị L, ngày 20/11/2020, TAND Quận S đã ra Quyết định số 160/2020/QĐ-TA về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với ông Hồ Nam H; Quyết định này đã được đăng trên báo Lao động - số ra các ngày 01, 02, 03 tháng 12 năm 2020 và phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam vào các ngày 02, 03, 04 tháng 12 năm 2020. Tòa án nhân dân Quận S cũng có công văn số 785/TAQ6 ngày 20/11/2020 yêu cầu Cổng thông tin điện tử của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đăng thông báo tìm kiếm thông tin của ông Hồ Nam H.

Ngoài ra, tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi cư trú của ông Hồ Nam H tại số V, Phường B, Quận S, TP. Hồ Chí Minh, tại trụ sở Tòa án quận S và UBND Phường B, quận S theo quy định nhưng ông H vắng mặt không nộp tài liệu chứng cứ và không có bản tự khai.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L có đơn xin vắng mặt; không có đơn rút yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Hồ Nam H.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ sổ hộ khẩu số 31050034145, kết quả xác minh của Công an Phường B, Quận S, ông Hồ Nam H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Quận S, thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà L có đơn xin ly hôn nên Tòa án nhân dân Quận S thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, bà Bùi Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Hồ Nam H vắng mặt. Căn cứ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị L và ông Hồ Nam H tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyển số 01/2001 (đăng ký ngày: 13/12/2001) của UBND Phường M, quận T, Tp. Hồ Chí Minh. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà L và ông H có 03 con chung là Hồ Hải Y, sinh ngày A (đã trưởng thành), Hồ Hải P, sinh ngày: B (đã trưởng thành) và trẻ Hồ Hải T, sinh ngày: C.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc tại N, Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh. Năm 2010, ông H chuyển hộ khẩu về V, Phường B, Quận S, TP. Hồ Chí Minh và thỉnh thoảng ông H về ở tại đây. Đến năm 2012 bà L phát hiện ông H có người thứ 3 từ đó vợ chồng mâu thuẫn, bà L đã khuyên nhũ nhưng ông H không thay đổi.

Từ năm 2013 vợ chồng ly thân ông H về ở luôn tại V, Phường B, Quận S, TP. Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng chỉ liên lạc với bà L vì con.

Năm 2019, bà L đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng ông H bỏ đi khỏi nơi cư trú, bà L không liên lạc được với ông H, dù đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng cũng không tìm được ông H. Do vậy, bà L đã thực hiện thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông H để bổ túc hồ sơ xin ly hôn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng,

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...", "Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau….." nhưng ở đây đôi bên không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau để vun đắp cho cuộc sống gia đình và không còn cùng nhau chung sống từ năm 2013 đến nay. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "…Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Nay bà L yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là trẻ Hồ Hải T, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại bà L vẫn nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Hồ Hải T. Ngoài ra nguyện vọng của trẻ là được sống với mẹ nên yêu cầu của bà L được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[5 Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà Bùi Thị L phải chịu án phí theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

TUYÊN XỬ:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị L đối với ông Hồ Nam H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 102 quyển số 01/2001(đăng ký ngày 13/12/2001) của Uỷ ban nhân dân Phường M, quận T cấp cho ông Hồ Nam H và bà Bùi Thị L không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là trẻ Hồ Hải T, sinh ngày C cho bà Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Bùi Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Hồ Nam H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

4/ Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0010902 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, TP. Hồ Chí Minh.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND M, Q. T, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Minh Châu